

Số: 49/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 27/12/2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tư.**
Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Tân**
Bà **Võ Thị Mỹ Dung**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 154/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.
Người đại diện ủy quyền của ông H: Bà Vũ Thị Anh T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: số C H, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2023).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Dương Thùy T1 – Văn phòng Luật sư Dương Vĩnh P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.
- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976.
Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị C: ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, Thành Phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị C do quen biết về chung sống với nhau như vợ chồng năm 2012, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông và bà C sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2012 đến tháng 10/2023. Từ tháng 11/2023 đến nay thì ông và bà C không còn sống chung với nhau. Nay bà C yêu cầu Tòa án không công nhận bà C và ông là vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2019 ông và bà C có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Bích N, thửa 169, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.867,9m² loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V với giá là 520.000.000đ. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là tiền chung của ông và bà C, trong đó 320.000.000đ là tiền riêng của ông còn lại 200.000.000đ là tiền chung của ông và bà C. Đến khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì một mình cá nhân bà C đứng tên quyền sử dụng đất vì ông nghĩ vợ chồng ai đứng tên cũng được. Ông trực tiếp canh tác đất từ tháng 1/2019 ông phải xin nghỉ phép làm 45 ngày để ông lên liếp trồng bưởi da xanh, làm hàng rào, làm hệ thống ống nước, sau đó hàng tuần ông đều về quê chăm sóc bưởi do trong thời gian ông và bà C chung sống thì hai vợ chồng đều làm ở thành phố Hồ Chí Minh.

Trên thửa 169 có một căn nhà cấp 4 là tài sản riêng của bà C, ông không tranh chấp đối với căn nhà trên đất.

Nay ông yêu cầu bà C chia đôi thửa 169 cho ông, ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích là 1.934m² thửa 169 (ông yêu cầu hưởng vị trí đất bên không có căn nhà), phần diện tích còn lại 1.934m² thửa 169 thì ông đồng ý để bà C quản lý, sử dụng. Bà C đồng ý trả cho ông 50.000.000đ tiền mượn thì ông đồng ý.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Ngọc H là bà Vũ Thị Anh T trình bày:

Ông H và bà C chung sống với nhau từ năm 2012. Năm 2012 thì hàng tháng ông H đưa tiền lương cho bà C là 6.000.000đ, đến năm 2013-2014 thì ông H đưa tiền cho bà C mỗi tháng là 8.000.000đ, từ năm 2015 đến tháng 4/2019 là thời điểm mua đất thì mỗi tháng ông H đưa tiền cho bà C là 10.000.000đ. Tháng

7/2019 đến tháng 10/2022 thì ông H mỗi tháng đều đưa tiền lương của ông H cho bà C là 12.000.000đ. Mục đích hàng tháng ông H đưa tiền cho bà C để bà C tiết kiệm tích lũy và chi phí cho sinh hoạt hàng ngày của hai vợ chồng. Do ông H mỗi tháng thu nhập từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ đều gửi về cho bà C quản lý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H về chung sống với nhau năm 2014, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông H đã không còn sống chung với nhau từ ngày 12/4(âl)/2022 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Bà có thửa đất 169, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.867,9m² loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà. Trong thời gian bà và ông H chung sống không có tài sản chung. Nguồn gốc đất do năm 2019 bà nhận chuyển nhượng thửa 169 của bà Phạm Bích N với giá là 520.000.000đ. Nguồn tiền bà nhận chuyển nhượng thửa 169 là tiền bà cho thuê đất ở Đồng Tháp, bà mượn ông Lê Văn C1 vay tiền ngân hàng dùm bà là 180.000.000đ và mượn tiền của bà Nguyễn Ngọc G, mượn tiền và vàng của bà Lê Diễm T3, tiền bán bò, tiền hót hụi và tiền bà dành dụm được. Bà nhận chuyển nhượng thửa 169 năm 2019 trong thời gian bà và ông H còn chung sống với nhau nhưng nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là tiền riêng của cá nhân bà, không có tiền của ông H. Chi phí lên liếp thửa đất trên là do bà thuê người lên liếp trồng bưởi da xanh, tiền làm hàng rào cũng là tiền của bà, ông H chỉ có phụ lên liếp cùng những người bà thuê là khoảng 25 ngày. Sau khi trồng bưởi xong thì hàng năm bà và ông H chỉ về quê 02 lần.

Trên đất có một căn nhà cấp 4 là tài sản riêng của bà, bà xây dựng nhà ngày 09/10 (âl)/2023.

Nay ông H yêu cầu chia đôi thửa 169, ông H yêu cầu bà chia cho ông H diện tích là 1.934m² phần diện tích còn lại 1.934m² ông H đồng ý để bà quản lý, sử dụng thì bà không đồng ý vì thửa 169 là tài sản riêng của bà. Năm 2020 bà có mượn của ông H 50.000.000đ để trả nợ ngân hàng. Nay bà đồng ý trả cho ông H 50.000.000đ.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Phạm Bích N trình bày:** Bà không có quan hệ họ hàng với ông Đỗ Ngọc H và bà cũng không có quan hệ họ hàng với bà C, vào năm 2019 bà có chuyển nhượng thửa đất số 169 cho ông H với bà C, ông Ba C2 là người trực tiếp gặp bà để thương lượng mua đất, trước khi gặp ông Ba C2 thì ông Ba C2 gọi điện cho bà và nói nhận chuyển nhượng đất cho em vợ, sau khi bàn bạc giá xong thì bà về quê tại nhà ông Ba C2 có mặt ông H, bà C và 02 vợ chồng ông Ba C2 và anh H1 trưởng ấp, lần đầu tiên

đặc cộc ông H là người trực tiếp cầm tiền giao cho bà có sự chứng kiến của anh H1 và ông Ba C2, bà nhận 50.000.000đ, bà biết hai vợ chồng ông H cùng nhận chuyển nhượng đất nhưng bà không biết tiền là của ai. Lần thứ hai giao tiền là bà đến nhà ông Ba C2 thì tiền để sẵn trên bàn ông H đưa bà kêu bà đếm lại và bà đã nhận đủ số tiền 420.000.000đ có sự chứng kiến của anh H1 trưởng ấp, ông H ông Ba C2, bà không nhớ có bà C hay không. Lần thứ ba bà nhận 50.000.000đ còn lại thì hai vợ chồng ông H cùng đi chung, ông H đưa tiền bà nhận, khi nhận đủ tiền bà có làm giấy bán đất cho bà C do anh H1 viết bà ký tên, khi làm giấy bà có hỏi ai đứng tên bà C nói là bà C đứng tên, bà hỏi lại một câu ai đứng tên thì ông H nói “*vợ chồng ai đứng cũng được*”, bà có hỏi căn cước của ông H đâu, anh H1 cũng có hỏi căn cước của ông H đâu thì ông H trả lời là không có đem, khi bà chuyển nhượng đất xong thì lâu lâu bà mới về quê, ông H có gọi điện hỏi bà đi nhờ đường đi cho máy cuốc vào vườn lên liếp.

*** Tại bản khai ý kiến ngày 29 tháng 5 năm 2024 người làm chứng ông Lâm Văn H1 trình bày:**

Ông là nguyên trưởng ấp Q, xã Q nhiệm kỳ từ năm 2006 đến cuối năm 2021, trong thời gian làm trưởng ấp ông có chứng kiến sự việc như sau: Vào năm 2019 ông H có đến nhà ông liên hệ mua đất của bà Phạm Bích N, ông H nhờ ông xuống nhà ông Lâm Văn C3 để ông H chồng tiền cộc cho bà Phạm Bích N thì ông đồng ý và ông trực tiếp cùng ông H đến nhà ông Lê Văn C1, ông trực tiếp ghi biên bản giao nhận tiền cộc tại nhà ông C1, ông trực tiếp chứng kiến ông H lấy tiền từ túi đeo chéo của ông H giao cho bà Bích N số tiền là 50.000.000đ, thời điểm đó không có bà Nguyễn Thị C, nhưng có ông Lê Văn C1 và bà Ngọc Đ vợ ông C1 cùng chứng kiến, ông nhớ đến tháng 4 năm 2019 ông H có đến nhà ông tìm ông nhờ ông đến làm giấy chồng tiền lần 2, lần này là làm giấy đưa đủ luôn với số tiền là 520.000.000đ, ông trực tiếp ghi tờ sang bán đất ruộng, tại thời điểm này có sự chứng kiến của ông Lê Văn C1 cùng có bà Nguyễn Thị C ký tên trong người mua, khi ông ghi tờ sang bán đất ruộng ông cẩn thận yêu cầu ông H đưa giấy chứng minh nhân dân cho ông để ông ghi vào thì ông H nói với ông là “*em mất chứng minh rồi anh ghi tên của vợ em là được rồi, vợ em thì cũng như em à không sao đâu*” nên ông không có ghi tên của ông H vào tờ sang bán đất ruộng nên ông đành phải ghi tên của bà C vào tờ sang bán đất ruộng, ở lần này cũng từ trong túi đeo của ông H trực tiếp lấy tiền ra để trên bàn và giao cho bà N, yêu cầu bà N đếm tiền, khi bà N đếm tiền thì bà N có nhờ ông đếm phụ, số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ nhưng tại thời điểm đó có ông H, bà C và vợ chồng ông C1. Khi chồng tiền xong thì bà N giao đất liền cho ông H sử dụng, ông H trực tiếp canh tác kêu máy lên liếp trồng bưởi, làm hàng rào, ống nước tự động, cát chồi ở luôn, điện kéo nhờ Út T4, ông được biết là từ năm 2019 đến năm 2021 là ông H vẫn canh tác đất, khi đầu năm 2022 ông xin phép nghỉ việc đi làm ăn xa lâu lâu ông về thì ông cũng vẫn còn thấy ông H canh tác, ông có hỏi thăm ông H nói là “*em đi thành phố A - 02 tháng em về vì tưới cây thì tự động nhưng em nhờ anh B Chạy dòm góc dùm*”.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn H2 là chủ Doanh nghiệp Hiệp Phát xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long tại biên bản đối chất ngày 02/8/2024 ông Nguyễn Văn H2 trình bày:** Vào các ngày 11/9/2020 và ngày 20/10/2020 ông có bán cho ông Đỗ Ngọc H theo các hóa đơn mà ông H đã cung cấp cho Tòa, ông giao hàng trước vườn bưởi còn việc ông H sử dụng làm gì thì ông không biết.

*** Người làm chứng anh Nguyễn Văn T5, tại biên bản đối chất ngày 02/8/2024 anh Nguyễn Văn T5 trình bày:** Anh bán đồ điện và ống nhựa, anh có bán cho ông H đồ điện và ống nhựa nhưng số tiền thì anh không nhớ nhưng khoảng từ mười mấy triệu đến hai mươi triệu. Đối với giấy xác nhận ngày 29/11/2023 anh có ký tên nhưng do anh không có đọc nội dung anh H nhờ anh ký thì anh ký nhưng số tiền anh bán là không tới 65.000.000đ.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn C4 trình bày:** Ông là anh rể của bà C, việc mua bán đất tại thửa đất số 169 của bà C là do ông thỏa thuận với bà N, do bà N có quan hệ họ hàng với ông nên ông biết bà N có bán đất, vì đất ông bà nên ông muốn trong gia đình mua vì vậy ông có điện thoại lên bà C thì bà C nói là không đủ tiền mua nên ông mới nói với bà C cứ đặt cọc đi rồi tính tiếp, bà C có đưa cho ông H 50.000.000đ nhờ ông H về chồng cọc cho bà N tại nhà ông, sau đó bà N vẫn xạ một vụ lúa đến tháng 5 năm 2019 ông bàn với hai người em là Nguyễn Ngọc G và Lê Diễm T3 và hai người đồng ý cho bà C mượn tiền mua đất và ông vay ngân hàng S số tiền 180.000.000đ, bà G cho mượn 100.000.000đ, bà T3 cho mượn 40.000.000đ và 06 chỉ vàng 24K, vậy tổng số tiền bà C mượn của ba anh em ông là 320.000.000đ và 06 chỉ vàng 24K. Phần làm mảnh vườn sau khi mua đất thì lên liếp, dựng cột kéo rào, đặt máy bơm nước, cát chồi, công nhân trồng bưởi, làm vườn lúc đó gồm những người như sau: Ông Lê Văn C1, ông Đỗ Ngọc H, ông Phan Văn N1, ông Lê Vũ T6, ông Nguyễn Hoàng C5, các ông làm trong vòng 15 ngày, số tiền chi cho các khoản làm vườn là 144.000.000đ số tiền đó bà C gửi về cho vợ ông để thanh toán, vợ ông đưa cho ông để ông cùng ông H đi mua vật tư, vậy nên các khoản chi trong quá trình trồng mảnh vườn cho đến khi hoàn thành ông đều biết.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Ngọc G trình bày:** Bà có cho em bà là bà C mượn số tiền 100.000.000đ lý do để trả tiền mua đất tại xã Q, huyện V, bà có mượn lại đất của bà C tại địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người làm chứng bà Lê Diễm T3 trình bày:** Bà có cho em bà là bà C mượn số tiền 40.000.000đ và 06 chỉ vàng 24K với lý do để mua đất tại xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long khi nào em bà có dư sẽ trả, khi cho mượn có ông H qua nhận, hiện nay bà C đã trả xong số tiền trên.

Tại bản án sơ thẩm số 154/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 57 luật hôn nhân và gia đình; Điều 210 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm

a, điểm b khoản 5 Điều 27 nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Đỗ Ngọc H.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Nguyễn Thị C.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ chia cho ông Đỗ Ngọc H diện tích 1.931,2 m² tại tách thửa 169 – 2, tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đỗ Ngọc H được quyền quản lý, sử dụng tách thửa 169 - 2 diện tích 1.931,2m², tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đỗ Ngọc H được sở hữu toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước trên tách thửa 169 – 2 (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/4/2024 và ngày 12/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

Bà Nguyễn Thị C được quản lý, sử dụng tách thửa 169 – 1, diện tích 1.936,7m², tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị C được sở hữu toàn bộ cây trồng và đường ống nước và căn nhà cấp 4 trên tách thửa 169 – 1 (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/4/2024 và ngày 12/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

Bà Nguyễn Thị C tự nguyện trả cho ông Đỗ Ngọc H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là tiền mà bà Nguyễn Thị C đã mượn của ông Đỗ Ngọc H, ông Đỗ Ngọc H không nhận và cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, chi phí đo đạc và định giá tài sản; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16/9/2024 bà C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận đất vườn, nhà, cây trồng trên đất thuộc thửa 169, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.867,9 m² đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là

tài sản cá nhân bà C. Không đồng ý chia cho ông Đỗ Ngọc H $\frac{1}{2}$ diện tích đất và cây trồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện do nguyên đơn ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn luật sư Dương Thùy T1 trình bày: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền bà C, ông T2 trình bày: Không đồng ý chia cho ông Đỗ Ngọc H $\frac{1}{2}$ thửa 169, diện tích 1.931,2 m² đất trồng lúa nước và cây trồng, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long chỉ đồng ý chia cho ông H $\frac{1}{3}$ giá trị đất theo giá của Hội đồng định giá.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C; Giữ nguyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C không đồng ý chia cho ông Đỗ Ngọc H $\frac{1}{2}$ thửa đất số 169, diện tích 3.867,9 m² với diện tích 1.931,2 m² đất trồng lúa nước và cây trồng, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, mà chỉ đồng ý chia $\frac{1}{3}$ giá trị đất theo giá của Hội đồng định giá.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông H chung sống như vợ chồng năm 2012, tuy không đăng ký kết hôn nhưng ông, bà dọn về sống chung cùng nhau, cùng sinh hoạt chung. Ông H, bà C đều làm việc có thu nhập. Năm 2019 bà C cho rằng cá nhân bà có chuyển nhượng thửa 169, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.867,9 m² đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, với giá 520.000.000 đồng của bà Phạm Bích N. Nguồn tiền mua đất là cá nhân bà tích lũy và có vay mượn. Ông H cho rằng thửa đất 169, diện tích 3.867,9 m² là tài sản chung của vợ chồng do tiền tích lũy cá nhân ông và thời gian chung sống dành dụm nhập vào để chuyển nhượng thửa đất 169 và cải tạo vườn. Xét thấy,

việc ông H yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất 169, diện tích 3.867,9 m² với diện tích 1.931,2 m² đất trồng lúa nước và cây trồng, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ. Bởi vì: Thời điểm chuyển nhượng thửa 169 của bà Phạm Bích N năm 2019, thời điểm này ông H, bà C chung sống, cả hai đều đi làm để có thu nhập. Tại tờ giao tiền cọc số tiền 50.000.000đồng, ngày 01/01/2019 thể hiện người giao tiền là ông H, tờ sang nhượng đất ngày 24/4/2019 giao số tiền 520.000.000đồng bà N, ông H1 đều xác nhận khi đó do ông H mất chứng minh nhân dân nên không ghi tên ông H vào vì vợ chồng ai đứng tên cũng vậy và đoạn ghi âm số 3 bà C cũng thừa nhận là chính giọng nói của bà, bà thừa nhận thửa đất 169 là tài sản chung của bà, ông H. Đồng thời sau khi chuyển nhượng ông H, bà C có cải tạo vườn và trồng cây. Cả ông H, bà C đều có công sức đóng góp ngang nhau. Do đó cấp sơ thẩm công nhận thửa 169, diện tích 3.867,9m² là tài sản chung và chia cho ông H diện tích 1.931,2 m² đất trồng lúa nước và cây trồng, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 154/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 210 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc H.

Về tài sản: Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ chia cho ông Đỗ Ngọc H diện tích 1.931,2 m² thuộc tách thửa 169 – 2, tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đỗ Ngọc H được quyền quản lý, sử dụng tách thửa 169 - 2 diện tích 1.931,2m², tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đỗ Ngọc H được sở hữu toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và đường ống nước trên tách thửa 169 – 2 (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/4/2024 và ngày 12/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

Bà Nguyễn Thị C được quản lý, sử dụng tách thửa 169 – 1, diện tích 1.936,7m², tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị C được sở hữu toàn bộ cây trồng và đường ống nước và căn nhà cấp 4 trên tách thửa 169 – 1 (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 16/4/2024 và ngày 12/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

Ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰0009327, ngày 16/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bà C không phải nộp thêm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện V;
- CC THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư